

Số: ~~94~~ QĐ-TLNHT-WB7

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí các lớp đào tạo nông dân
(FFS) đợt III.

Dự án thành phần: Cải thiện Nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh

Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7).

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) dự án “Cải thiện nông nghiệp có tưới” do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BNN-ITQT ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đầu tư đầu tư xây dựng công trình, Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh - Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính về việc Quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Thông tư số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02 tháng 12 năm 2010 về việc Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BNN-TC ngày 5/5/2014 về việc phê duyệt quy định tạm thời nội dung, mức hỗ trợ và mức chi cho các hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Văn bản số 1963/CPO-WB7 ngày 30/10/2014 của Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi về việc triển khai kế hoạch đào tạo nông dân (FFS) Đợt I - Dự án WB7;

Căn cứ Quyết định 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư;

Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-SNN ngày 13/8/2014 của Sở NN & PTNT tỉnh Hà Tĩnh về việc Thành lập tổ công tác tham mưu giúp Giám đốc Sở, Chủ đầu tư trong

việc quản lý thực hiện Hợp phần 3 - Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7):

Căn cứ Báo cáo thẩm định Kế hoạch, dự toán Tổ chức các lớp đào tạo nông dân (FFS) CSA Đợt III - Dự án thành phần: Cải thiện Nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh của phòng Kế hoạch - Kỹ thuật ngày 28 tháng 12 năm 2016

Xét đề nghị của Ban quản lý Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ - Sông Rác, Hà Tĩnh tại Tờ trình số: 125/TTr-DA ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc xin phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí các lớp đào tạo nông dân (FFS) đợt III - Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí các lớp đào tạo nông dân (FFS) đợt III - Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới, tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7), với những nội dung chính sau:

1. Quy mô các lớp tập huấn:

1.1. Đối với Rau màu và các cây trồng cạn:

- Tổ chức 08 lớp tập huấn tại xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà và 04 lớp tại xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên.

1.2. Đối với cây Lúa:

- Tổ chức 04 lớp tập huấn tại xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà và 08 lớp tại xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh.

2. Địa điểm thực hiện: tại các hội trường văn hóa thôn và trực tiếp trên đồng ruộng tại các xã Tượng Sơn, Cẩm Bình và Kỳ Giang.

3. Đơn vị tổ chức tập huấn: Ban Quản lý Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ - Sông Rác, Hà Tĩnh

4. Giảng viên: Tổ công tác tham mưu giúp Giám đốc sở, Chủ đầu tư trong việc quản lý thực hiện Hợp phần 3 và các cán bộ thuộc Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh Hà Tĩnh.

5. Thời gian thực hiện : Tháng 01/2017 đến tháng 12/2017.

6. Kinh phí thực hiện :

+ Các lớp tập huấn trên cây Rau và cây trồng cạn:	586.494.000 đồng
+ Các lớp tập huấn trên cây Lúa :	587.275.000 đồng
+ Tổng dự toán :	1.173.769.000 đồng

(Bằng chữ: Một tỉ, một trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn./.)


(Chi tiết có Dự toán đã được thẩm định kèm theo)

7. Nguồn vốn : Nguồn vốn vay và thanh toán cho các hoạt động thuộc Hợp phần 3.

Điều 2: Giao Ban Quản lý Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gồ - Sông Rác, Hà Tĩnh phối hợp Tổ công tác Hợp phần 3 tổ chức thực hiện các bước tiếp theo.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các ông Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Giám đốc Ban quản lý dự án cải thiện Nông nghiệp có tưới Kê Gồ - Sông Rác, Hà Tĩnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Giám đốc, các Phó giám đốc;
- BQLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gồ - Sông Rác, Hà Tĩnh;
- Lưu VT. 



Lê Hồng Sơn

DỰ TOÁN

Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây lúa thích ứng biến đổi khí hậu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc các khu tưới mầu xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà và xã Kỳ Giang - huyện Kỳ Anh

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí tập huấn		12		575.760.000	
1	Khóa huấn luyện về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây lúa thích ứng biến đổi khí hậu năm 2017	Lớp				
	- Xã Tượng Sơn					
	Lớp Thiên ưu 8		4	47.424.000	189.696.000	
	- Xã Kỳ Giang					
	Lớp Thiên ưu 8		8	48.258.000	386.064.000	
II	Chi phí quản lý kiểm tra và viết báo cáo tổng kết 2%				11.515.200	
	Cộng				587.275.200	
	Làm tròn				587.275.000	

(Bảng chữ: Năm trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây lúa thích ứng biến đổi khí hậu vụ Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn - Xã Kỳ Giang
Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Số lượng lớp : 1 lớp
Thời gian đào tạo: 15 buổi/lớp
Số lượng học viên: 30 người
Giảng viên: 1 người
Trợ giảng: 1 người
Ban tổ chức: 1 người

Địa điểm: Xã Tượng Sơn - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
1	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
2	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn/xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Bảng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
10	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thước dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Market, phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
VI	Chi phí khác				5.682.000
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² ×1 điểm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lóp	1 lóp	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV)	Lóp			1.832.000
	- Giống Thiên ưu 8	kg/1000m2	6	32.000	192.000
	- Ure	Kg/1000m2	28	10.000	280.000
	- Lân Supe	Kg/1000m2	55	3.500	192.500
	- Kali Clorua	Kg/1000m2	15	8.500	127.500
	- Vôi	Kg/1000m2	50	2.000	100.000
	- Phân hữu cơ (Phân chuồng)	Kg/1000m2	600	1.000	600.000
	- Thuốc trừ cỏ	đồng			50.000
	- Thuốc BVTV	đồng			200.000
	- Chế phẩm Vi sinh Trichoderma	kg	1	90.000	90.000
2	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho ban tổ chức (cán bộ thôn/xã)	Người	1	250.000	250.000
3	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	400.000	1.600.000
4	Làm biên mô hình trình diễn	Biên	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				47.424.000

(Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn đồng chẵn./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây lúa thích ứng biến đổi khí hậu vụ Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn - Xã Kỳ Giang

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Số lượng lớp :

1 lớp

Thời gian đào tạo:

15 buổi/lớp

Số lượng học viên:

30 người

Giảng viên:

1 người

Trợ giảng:

1 người

Ban tổ chức:

1 người

Địa điểm: Xã Kỳ Giang - Huyện Kỳ Anh - Tỉnh Hà Tĩnh

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				12.225.000
	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
2	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn/ xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Hỗ trợ tiền di lại cho giảng viên	Buổi	15	60.000	900.000
5	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Bảng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
10	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thước dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Makeup, phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
2	Nước uống cho học viên	Người	450	10.000	4.500.000
VI	Chi phí khác				<u>5.616.000</u>
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² ×1 điểm nghiên cứu)	Lớp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV)	Lớp			1.766.000
	- Giống Thiên ưu 8	kg/1000m2	6	32.000	192.000
	- Ure	Kg/1000m2	24	10.000	240.000
	- Lân Supe	Kg/1000m2	50	3.500	175.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m2	14	8.500	119.000
	- Vôi	Kg/1000m2	50	2.000	100.000
	- Phân hữu cơ (Phân chuồng)	Kg/1000m2	600	1.000	600.000
	- Thuốc trừ cỏ	đồng			50.000
	- Thuốc BVTV	đồng			200.000
	- Chế phẩm Vi sinh Trichoderma	kg	1	90.000	90.000
3	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Người	1	250.000	250.000
4	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	400.000	1.600.000
5	Làm biên mô hình trình diễn	Biển	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				<u>48.258.000</u>

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn và xã Cẩm Bình

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian đào tạo:

15 buổi

Số lượng học viên:

30 người

Giảng viên:

1 người

Trợ giảng

1 người

Ban tổ chức:

1 người

Địa điểm:

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
2	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn, xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Băng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
10	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thước dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Market, nhân viên phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000

VI	Chi phí khác				6.087.500
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² , 1 điểm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lớp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm giống Bí xanh (giống, phân bón, thuốc BVTV), diện tích 1000m ²				3.037.500
	- Giống Bí xanh	gam/1000m ²	100	2.000	200.000
	- Ure	Kg/1000m ²	30	10.000	300.000
	- Lân Supe	Kg/1000m ²	40	3.500	140.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m ²	35	8.500	297.500
	- Phân hữu cơ	Kg/1000m ²	1000	1.000	1.000.000
	- Vôi	Kg/1000m ²	50	2.000	100.000
	- Thuốc BVTV	l.000d/1000m ²	100	10.000	1.000.000
4	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Lớp	1	250.000	250.000
5	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	200.000	800.000
6	Làm biên mô hình trình diễn	Biển	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				47.829.500

(Bảng chữ: Bốn mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi chín, năm trăm đồng./.)

DỰ TOÁN

Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc các khu tưới mầu xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà và xã Cẩm Bình - Huyện Cẩm Xuyên

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí tập huấn	Lớp	12		574.994.000	
1	- Xã Tượng Sơn					
	+ Lớp bí xanh	Lớp	2	47.829.500	95.659.000	
	+ Lớp mướp hương	Lớp	2	48.109.500	96.219.000	
	+ Lớp rau ăn lá	Lớp	2	47.779.500	95.559.000	
	+ Lớp dưa hấu	Lớp	1	48.029.500	48.029.500	
	+ Lớp mướp ngọt	Lớp	1	47.779.500	47.779.500	
2	- Xã Cẩm Bình					
	+ Lớp bí xanh	Lớp	1	47.829.500	47.829.500	
	+ Lớp mướp hương	Lớp	1	48.109.500	48.109.500	
	+ Lớp rau ăn lá	Lớp	1	47.779.500	47.779.500	
	+ Lớp dưa hấu	Lớp	1	48.029.500	48.029.500	
II	Chi phí quản lý kiểm tra và viết báo cáo tổng kết 2%				11.499.880	
	Cộng				586.493.880	
	Làm tròn				586.494.000	

(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn./.)

Khoá 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn và xã Cẩm Bình

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian đào tạo:

15 buổi

Số lượng học viên:

30 người

Giảng viên:

1 người

Trợ giảng

1 người

Ban tổ chức:

1 người

Địa điểm:

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
1	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn, xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Băng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thuốc dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Maket, nhân viên phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000
1	Tiền ăn cho học viên	Buổi	450	25.000	11.250.000

VI	Phi phí khác				<u>6.367.500</u>
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² 1 diêm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lóp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV), diện tích 1000m ²				3.317.500
	- Giống Mướp hương	gam/1000m ²	80	6.000	480.000
	- Urê	Kg/1000m ²	30	10.000	300.000
	- Lân Supe	Kg/1000m ²	40	3.500	140.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m ²	35	8.500	297.500
	- Phân hữu cơ	Kg/1000m ²	1000	1.000	1.000.000
	- Vôi	Kg/1000m ²	50	2.000	100.000
	- Thuốc BVTV	1.000đ/1000m ²	100	10.000	1.000.000
3	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Lóp	1	250.000	250.000
4	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	200.000	800.000
5	Làm biên mô hình trình diễn	Biên	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				<u>48.109.500</u>

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, một trăm linh chín nghìn, năm trăm đồng./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn và xã Cẩm Bình

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian đào tạo:	15 buổi
Số lượng học viên:	30 người
Giảng viên:	1 người
Trợ giảng	1 người
Ban tổ chức:	1 người
Địa điểm:	

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
1	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn, xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Băng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thước dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Market, nhân viên phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000
	Chi phí cho học viên	Buổi	450	25.000	11.250.000

VI	Phi phí khác				6.037.500
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² 1 diêm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lóp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV), diện tích 1000m ²				2.987.500
	- Giống rau ăn lá	gam/1000m ²	0,5	300.000	150.000
	- Urê	Kg/1000m ²	30	10.000	300.000
	- Lân Supe	Kg/1000m ²	40	3.500	140.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m ²	35	8.500	297.500
	- Phân hữu cơ	Kg/1000m ²	1000	1.000	1.000.000
	- Vôi	Kg/1000m ²	50	2.000	100.000
	- Thuốc BVTV	1.000đ/1000m ²	100	10.000	1.000.000
3	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Lóp	1	250.000	250.000
4	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	200.000	800.000
5	Làm biên mô hình trình diễn	Biển	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				47.779.500

(Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mầu xã Tượng Sơn và xã Cẩm Bình

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Đầu tư: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian đào tạo:

15 buổi

Số lượng học viên:

30 người

Giảng viên:

1 người

Trợ giảng:

1 người

Ban tổ chức:

1 người

Địa điểm:

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
1	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn, xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Bảng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
10	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thuốc dài (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Ghim đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi ny long	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Maket, nhân viên phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000

VI	Phi phí khác				6.287.500
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² 1 điểm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lớp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV), diện tích 1000m ²				3.237.500
	- Giống Dưa hấu	kg/1000m ²	40	10.000	400.000
	- Urê	Kg/1000m ²	30	10.000	300.000
	- Lân Supe	Kg/1000m ²	40	3.500	140.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m ²	35	8.500	297.500
	- Phân hữu cơ	Kg/1000m ²	1000	1.000	1.000.000
	- Vôi	Kg/1000m ²	50	2.000	100.000
	- Thuốc BVTV	1.000đ/1000m ²	100	10.000	1.000.000
3	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Lớp	1	250.000	250.000
4	Phô tô hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	200.000	800.000
5	Làm biên mô hình trình diễn	Biển	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				48.029.500

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm đồng./.)

Khóa 3: Khóa đào tạo về Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh trên cây rau thích ứng biến đổi khí hậu Đông Xuân - Hè Thu năm 2017

Đối tượng đào tạo: Nông dân thuộc khu tưới mẫu xã Tượng Sơn và xã Cẩm Bình

Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu

Dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian đào tạo:

15 buổi

Số lượng học viên:

30 người

Giảng viên:

1 người

Trợ giảng:

1 người

Ban tổ chức:

1 người

Địa điểm:

TT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Chi phí cho giảng viên và ban tổ chức				11.325.000
	Chi phí thù lao cho giảng viên	Buổi	15	400.000	6.000.000
2	Chi phí thù lao cho trợ giảng	Buổi	15	300.000	4.500.000
3	Phụ cấp tiền ăn ban tổ chức (cán bộ thôn, xã)	Buổi	15	25.000	375.000
4	Nước uống cho giảng viên và ban tổ chức	Buổi	45	10.000	450.000
II	Chi phí phục vụ lớp học				2.417.000
1	Giấy A0	Tờ	60	5.000	300.000
2	Sổ học viên	quyển	30	15.000	450.000
3	Bút bi	cái	30	5.000	150.000
4	Bút dạ	cái	16	10.000	160.000
5	Bút chì màu	hộp	6	30.000	180.000
6	Bút chì	Cái	30	5.000	150.000
7	Băng dính hai mặt	cuộn	6	5.000	30.000
8	Kéo	cái	4	15.000	60.000
9	Giấy trắng A4	Gam	1	60.000	60.000
10	Giấy màu A4	Gam	0,5	140.000	70.000
11	Thuộc dãi (50cm)	cái	4	20.000	80.000
12	Dụng cụ thí nghiệm	bộ	4	60.000	240.000
13	Bàn đập	cái	3	25.000	75.000
14	Cầm đập	hộp	3	20.000	60.000
15	Kẹp sắt (loại to + vừa)	hộp	4	18.000	72.000
16	Cặp hộp 7 cm	cái	5	40.000	200.000
17	Túi nylon	kg	0,5	40.000	20.000
18	Dây nilong	cuộn	2	30.000	60.000
III	Tài liệu, chứng chỉ cho học viên				1.650.000
1	Photo, đóng quyển tài liệu cho học viên	bộ	30	35.000	1.050.000
2	Chứng chỉ hoàn thành khóa học	cái	30	20.000	600.000
IV	Chi phí thuê hội trường, thiết bị				10.600.000
1	Thuê màn máy chiếu, laptop	Buổi	5	500.000	2.500.000
2	Thuê hội trường, thiết bị chính (âm thanh...)	Buổi	15	500.000	7.500.000
3	Mua, nhân viên phục vụ	Lớp	1	600.000	600.000
V	Chi phí cho học viên				15.750.000

VI	Phi phí khác				6.037.500
1	Chi hỗ trợ thuê ruộng học tập (1.000m ² .1 điểm nghiên cứu - tương đương 2 sào)	Lớp	1	1.000.000	1.000.000
2	Hỗ trợ vật tư trên ruộng thí nghiệm (giống, phân bón, thuốc BVTV), diện tích 1000m ²				2.987.500
	- Giống Mướp ngọt	kg/1000m ²	0,5	300.000	150.000
	- Ure	Kg/1000m ²	30	10.000	300.000
	- Lân Supe	Kg/1000m ²	40	3.500	140.000
	- Kali Clorua	Kg/1000m ²	35	8.500	297.500
	- Phân hữu cơ	Kg/1000m ²	1000	1.000	1.000.000
	- Vôi	Kg/1000m ²	50	2.000	100.000
	- Thuốc BVTV	1.000đ/1000m ²	100	10.000	1.000.000
3	Hỗ trợ thông tin liên lạc cho lớp trưởng, cán bộ xã với ban tổ chức, học viên	Lớp	1	250.000	250.000
4	Phê tờ hồ sơ thanh quyết toán	Bộ	4	200.000	800.000
5	Làm biển mô hình trình diễn	Biển	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng cộng				47.779.500

(Bảng chữ: Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng./.)